

693

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT**

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1694/QĐ-MĐC ngày 19 tháng 9 năm 2016
của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất)*

Ngành đào tạo: Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ

Mã số: 52520503

Chuyên ngành đào tạo: Địa chính

Mã số: 5252050303

Trình độ đào tạo: Đại học

Loại hình đào tạo: Chính quy tập trung

Bộ môn chủ quản đào tạo: Địa chính

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Mục tiêu của chương trình đào tạo chuyên ngành Kỹ thuật trắc địa nhằm đào tạo những kỹ sư có bản lĩnh chính trị, tác phong đạo đức, trình độ học vấn, chuyên môn và đủ sức khỏe đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa và hội nhập quốc tế của ngành Trắc địa. Ngoài ra, kỹ sư chuyên ngành này còn được trang bị kiến thức và kỹ năng về nghề nghiệp, ngoại ngữ, phương pháp làm việc theo nhóm, kỹ năng trình bày và giao tiếp.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Kiến thức: Đào tạo các kỹ sư có phẩm chất đạo đức tốt, có sức khỏe, có kiến thức tổng hợp về ngành Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ và có các kiến thức chuyên sâu về chuyên ngành Địa chính.

Kỹ năng: Các kỹ sư tốt nghiệp chuyên ngành Địa chính có khả năng làm việc trong các lĩnh vực của ngành trắc địa nói chung như: Kỹ năng sử dụng các loại máy đo đạc, xây dựng cũng như sử dụng các phần mềm xử lý số liệu trắc địa, sử dụng thành thạo các phần mềm phục vụ thành lập bản đồ ... đặc biệt là am hiểu và sử dụng các kỹ thuật đo vẽ, lập bản đồ địa chính, định giá, quản lý đất đai.

Thái độ: Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có tâm huyết với nghề nghiệp đã lựa chọn.

Trình độ ngoại ngữ: Có khả năng sử dụng tiếng Anh trong công việc và giao tiếp.

Trình độ tin học: Sinh viên tốt nghiệp có khả năng tư duy logic tốt, có năng lực sáng tạo để giải quyết các bài toán ứng dụng cụ thể trong lĩnh vực Công nghệ thông tin nói chung và Khoa học máy tính nói riêng; có khả năng tự học và tự đào tạo để đáp ứng với các yêu cầu thay đổi của xã hội và công việc.

Vị trí làm việc sau tốt nghiệp: Sinh viên tốt nghiệp có thể làm việc tại tất cả các đơn vị có liên quan đến Trắc địa - Bản đồ trong cả nước cũng như nước ngoài. Cụ thể như tại các cơ sở đào tạo có liên quan đến trắc địa - bản đồ, Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường, Cục Bản đồ quân sự thuộc Bộ Quốc phòng, các sở Tài nguyên và Môi trường, các Tổng công ty Tài nguyên và Môi trường, Viện Khoa học Đo đạc và Bản đồ, Viện Vũ trụ ... các công ty, tổng công ty xây dựng; các công ty, tổng công ty về giao thông, thủy lợi, các công ty có chức năng đo vẽ bản đồ các loại

2. Thời gian đào tạo:

5 năm

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa (tính bằng số tín chỉ):

157 TC

4. Đối tượng tuyển sinh: Theo quy định của BGD&ĐT

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

5.1. Quy trình đào tạo

Đào tạo theo hệ thống tín chỉ, theo “Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ” (Ban hành theo quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/08/2007 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quyết định số 388/2013/QĐ-ĐTĐH, ngày 18 tháng 04 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mở-Địa chất; Quyết định số 276/QĐ-MĐC ngày 12/3/2015 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ).

5.2. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên có đủ điều kiện như quy định tại Điều 27 của quyết định 43/2007/QĐ-BGD&ĐT và Quyết định số 388/2013/QĐ-ĐTĐH sẽ được xét và công nhận tốt nghiệp, cụ thể:

- Đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.
- Tích lũy đủ số học phần theo chương trình đào tạo. Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa phải đạt từ 2,00 trở lên.
- Các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng đạt theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Đạt chuẩn đầu ra Ngoại ngữ và Tin học theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo.

6. Thang điểm

Theo Quyết định số 388/2013/QĐ-ĐTĐH của Trường Đại học Mở-Địa chất; Quyết định số 276/QĐ-MĐC ngày 12/3/2015 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ.

7. Nội dung chương trình:

7.1. Khối lượng kiến thức

- Khối lượng kiến thức (không kể GDTC và GDQP): **157 TC**

7.2. Cấu trúc kiến thức của chương trình

- Kiến thức GD đại cương (không kể GDTC và GDQP): **48 TC**
 - + Kiến thức giáo dục đại cương bắt buộc **42 TC**
 - + Kiến thức đại cương tự chọn **6 TC**
- Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc: **30 TC**
- Kiến thức giáo dục chuyên ngành: **65 TC**
 - + Kiến thức giáo dục chuyên ngành bắt buộc **45 TC**
 - + Kiến thức chuyên ngành chọn theo Khoa **12 TC**
 - + Kiến thức chuyên ngành chọn theo Trường **8 TC**
- Thực tập nghề nghiệp: **7 TC**
- Đồ án tốt nghiệp: **7 TC**

STT	Mã MH	Tên MH	Tín chỉ
I	Kiến thức giáo dục đại cương		48
I.1	Kiến thức giáo dục đại cương bắt buộc		42
1	4020101	NLCB của CN Mác-Lênin 1	2
2	4010101	Đại số	3
3	4010102	Giải tích 1	4
4	4080201	Tin học đại cương + TH	3
5	4010613	Tiếng Anh 1	3
6	4020102	NLCB của CN Mác-Lênin 2	3
7	4010103	Giải tích 2	3
8	4010201	Vật lý đại cương A1 + TN	3
9	4010614	Tiếng Anh 2	3
10	4010701	Giáo dục thể chất 1	
11	4010702	Giáo dục thể chất 2	
12	4010703	Giáo dục thể chất 3	
13	4010704	Giáo dục thể chất 4	
14	4010705	Giáo dục thể chất 5	
15	4300111	Đường lối quân sự của Đảng (3 TC)	

16	4300112	Công tác quốc phòng - an ninh (2 TC)	
17	4300211	Quân sự chung và chiến thuật (3 TC)	
18	4010301	Hóa học đại cương P1 + TN	3
19	4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	3
20	4050703	Địa lý kinh tế xã hội	2
21	4020103	Pháp luật đại cương	2
22	4020301	Đường lối CM của ĐCS VN	3
23	4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
I.2	Kiến thức giáo dục đại cương tự chọn		6
24	4010105	Xác suất thống kê	2
25	4010106	Phương pháp tính	2
26	4010109	Logic đại cương	2
27	4010110	Toán tối ưu	2
28	4010111	Toán rời rạc	2
II	Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc		30
29	4050401	Trắc địa cơ sở 1 + BTL	4
30	4050411	TT trắc địa cơ sở 1 (3 tuần)	2
31	4050101	Cơ sở TĐCT + BTL	3
32	4050301	Cơ sở hệ thống tin địa lý (GIS)	3
33	4050404	Lý thuyết sai số + BTL	3
34	4050701	Cơ sở BD và vẽ BD + ĐA	4
35	4050601	Địa chính đại cương	2
36	4050302	Cơ sở viễn thám	2
37	4050201	Trắc địa cao cấp đại cương	4
38	4050303	Cơ sở đo ảnh + BTL	3
III	Kiến thức giáo dục chuyên ngành		65
III.1	Kiến thức giáo dục chuyên ngành bắt buộc		45
III.1.1	Kiến thức bổ trợ chuyên ngành		8
37	4050608	CSQH và QLLT + BTL	3
38	4050607	Định giá bất động sản + BTL	3
39	4050813	Tiếng anh chuyên ngành trắc địa	2
III.1.2	Kiến thức chuyên ngành		18
40	4050605	Biên tập bản đồ địa chính	2
41	4050609	Đo đạc địa chính 1 + ĐA	3
42	4050617	Thực tập Đo đạc địa chính 1	3
43	4050606	XD KH thi công CT địa chính	2
44	4050603	Kỹ thuật thành lập bản đồ số	3
45	4050611	Luật và QLNN về đất đai	2
46	4050615	Hệ thống thông tin đất đai 1	3
III.1.3	Kiến thức chuyên ngành hướng chuyên sâu CNĐC		19
47	4050402	Trắc địa cơ sở 2 + ĐA	3
48	4050622	Đo đạc địa chính 2	2
49	4050623	Hệ thống thông tin đất đai 2	2
50	4050211	Định vị vệ tinh (GPS) - B	2
51	4050215	TT trắc địa cao cấp B	2
52	4050306	Công nghệ đo ảnh + BTL	4
53	4050315	TT đo ảnh - viễn thám 3	2
54	4050624	TT đo đạc địa chính 2	2
III.1.4	Kiến thức chuyên ngành hướng chuyên sâu QLĐĐ		19
55	4050614	Thị trường bất động sản	2
56	4050619	Đăng ký thống kê đất	2
57	4050604	Khoa học đất	2

58	4050620	Bản đồ chuyên đề trong QLDD	2
59	4050621	HT hỗ trợ ra QĐ trong QLDD	2
60	4050625	Thanh tra đất đai	2
61	4050616	Quản lý bất động sản	2
62	4050612	Quy hoạch sử dụng đất + ĐA	3
63	4050626	Quản lý tài chính đất đai	2
III.2	Kiến thức chuyên ngành chọn theo khoa		12
64	4050102	Máy trắc địa và đo đạc điện tử	2
65	4050105	Trắc địa công trình đường hầm + BTL	3
66	4050106	Quan trắc biến dạng công trình	2
67	4050108	Thực tập trắc địa công trình (5 tuần)	3
68	4050110	Tư vấn giám sát trắc địa trong xây dựng	2
69	4050111	Tin học ứng dụng trong trắc địa công trình + BTL	3
70	4050112	ứng dụng định vị vệ tinh trong trắc địa công trình	2
71	4050113	Đo vẽ bản đồ công trình ngầm đô thị	2
72	4050204	Trắc địa lý thuyết + BTL	3
73	4050206	Trắc địa mặt cầu + BTL	2
74	4050207	Bình sai lưới trắc địa + BTL	2
75	4050208	Trắc địa biển và đảo hàng	3
76	4050211	Định vị vệ tinh (GPS)- B(cho Địa chính, Trắc địa mỏ- công trình, Tin trắc địa)	2
77	4050214	Thực tập trắc địa cao cấp A	3
78	4050215	Thực tập trắc địa cao cấp B	2
79	4050216	Thực tập trắc địa cao cấp C	1
80	4050308	Đoán đọc và điều vẽ ảnh	2
81	4050309	Đo ảnh phạm vi gần	2
82	4050403	Bản đồ số và độ chính xác bản đồ địa hình	2
83	4050405	Xử lý số liệu trắc địa + BTL	2
84	4050406	ƯD lý thuyết xác suất thống kê trong TĐ	2
85	4050407	Lập trình bài toán trắc địa cơ sở + BTL	3
86	4050408	Phần mềm đồ họa trong trắc địa + BTL	3
87	4050409	Thành lập BĐĐ số địa hình tỷ lệ lớn WD CNM	2
88	4050412	Thực tập Trắc địa cơ sở 2 (5 tuần)	3
89	4050513	Quy hoạch và quản lý môi trường	2
90	4050613	Xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính	2
91	4050623	Hệ thống thông tin đất đai 2	2
92	4050730	Các phương pháp sử dụng bản đồ	2
93	4050727	ƯD tin học trong thiết kế và thành lập bản đồ	2
94	4050728	Thiết kế bản đồ đa phương tiện	2
95	4050729	3D GIS và mô hình hóa bề mặt	2
96	4050732	ƯD bản đồ & GIS trong QL tài nguyên & MT	2
97	4050610	Địa chính đô thị	2
98	4050622	Đo đạc địa chính 2	2
99	4050624	Thực tập đo đạc địa chính 2	2
100	4050645	Thuế bất động sản	2
101	4050646	Giao đất, thu hồi đất	2
102	4050101	Cơ sở trắc địa công trình + BTL	3
103	4050648	Bồi thường giải phóng mặt bằng	2
104	4050647	Quy hoạch và phát triển nông thôn	2
105	4050303	Cơ sở đo ảnh + BTL	3
106	4050530	Địa tin học trong quản lý đất đai và môi trường	2
107	4050602	Kỹ thuật lập trình trong trắc địa	2

III.3	Kiến thức chuyên ngành chọn theo trường		8
108	4000001	Kỹ năng soạn thảo văn bản quản lý hành chính	2
109	4000002	Tâm lý học đại cương	2
110	4000003	Tiếng Việt thực hành	2
111	4000004	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2
112	4000005	Kỹ năng giao tiếp và làm việc theo nhóm	2
113	4000006	Kỹ năng tư duy phê phán	2
114	4020104	Lịch sử Triết học	2
115	4010403	Autocad + TH	2
116	4010603	Tiếng Anh 3	2
117	4010604	Tiếng Anh 4	2
118	4010605	Tiếng Nga 1	2
119	4010606	Tiếng Nga 2	2
120	4010607	Tiếng Trung 1	2
121	4010608	Tiếng Trung 2	2
122	4030114	Cơ sở khai thác lộ thiên	2
123	4030222	Cơ sở khai thác hầm lò	2
124	4030422	Cơ sở tuyển khoáng	2
125	4040101	Địa chất đại cương	3
126	4040110	Địa mạo cảnh quan	2
127	4040517	Cơ sở Địa chất công trình - địa chất thủy văn	3
128	4050203	Định vị vệ tinh (GPS)- A(cho ngành TĐịa + BTL	3
129	4050301	Cơ sở hệ thống tin địa lý (GIS)	3
130	4050302	Cơ sở viễn thám	2
131	4050509	Kỹ thuật môi trường	2
132	4050526	Trắc địa đại cương	2
133	4060142	Địa vật lý đại cương	2
134	4060339	Cơ sở lọc hóa dầu	2
135	4060402	Kỹ thuật dầu khí đại cương	2
136	4070304	Kinh tế và quản trị doanh nghiệp	3
137	4070331	Quản trị dự án đầu tư	2
138	4070401	Nguyên lý kế toán	3
139	4080153	Thiết kế Website	2
140	4080309	Hệ quản trị nội dung mã nguồn mở	2
141	4100167	Cơ sở xây dựng công trình ngầm và mỏ	2
142	4110114	Môi trường và phát triển bền vững	2
143	4110130	Địa y học	2
144	4110236	Môi trường và con người	2
145	4050206	Trắc địa mặt cầu + BTL	2
146	4070336	Văn hóa doanh nghiệp	2
147	4050513	Quy hoạch và quản lý môi trường	2
148	4050602	Kỹ thuật lập trình trong trắc địa	2
149	4070403	Kế toán tài chính 1	4
150	4050610	Địa chính đô thị	2
151	4050616	Quản lý bất động sản	2
152	4050621	Hệ thống hỗ trợ ra quyết định trong quản lý đất đai	2
153	4050623	Hệ thống thông tin đất đai 2	2
154	4050649	Quy hoạch vùng	3
155	4050650	Phương pháp lập dự án đầu tư	2
156	4040825	Cơ sở sinh vật học	2
157	4090301	Kỹ thuật điện +TN	3
158	4070335	Một số vấn đề cơ bản về QLNN trong hoạt động dầu khí	2

159	4050653	Quản lý đất đô thị	2
IV	Thực tập tốt nghiệp		7
160	4050627	Thực tập sản xuất	3
161	4050628	Thực tập tốt nghiệp	4
V	Đồ án tốt nghiệp		7
162	4050629	Đồ án tốt nghiệp	7

TRƯỞNG KHOA



TS. Trần Thùy Dương

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Trần Thùy Dương

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO NGÀNH KỸ THUẬT TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ
CHUYÊN NGÀNH ĐỊA CHÍNH 2016 - HỆ ĐẠI HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1694/QĐ-MĐC ngày 19 tháng 9 năm 2016
của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất)

STT	Mã MH	Tên MH	Tín chỉ	BB	CG	BBTC	TS	LT	BT	TH	ĐA	LA
Học kỳ thứ 1												
1	4020101	NLCB của CN Mác-Lênin 1	2									
2	4010101	Đại số	3				45	45				
3	4010102	Giải tích 1	4									
4	4080201	Tin học đại cương + TH	3									
5	4010701	Giáo dục thể chất 1	1									
6	4010613	Tiếng Anh 1	3									
		Cộng	16									
Học kỳ thứ 2												
1	4020102	NLCB của CN Mác-Lênin 2	3									
2	4010103	Giải tích 2	3									
3	4010201	Vật lý đại cương A1 + TN	3				45	30		15		
4	4010614	Tiếng Anh 2	3									
5	4010702	Giáo dục thể chất 2	1									
6	4010301	Hóa học đại cương P1 + TN	3									
		Cộng	16									
Học kỳ thứ 3												
1	4050401	Trắc địa cơ sở 1 + BTL	4				60	60				
2	4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	3									
3	4050703	Địa lý kinh tế xã hội	2									
4	4020103	Pháp luật đại cương	2									
5	4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2									
6	4050411	TT trắc địa cơ sở 1 (3 tuần)	2									
7	4010703	Giáo dục thể chất 3	1									
8	TCA	Môn tự chọn A (ngành TDDC)	2									
		Cộng	18									

KẾ HOẠCH HỌC TẬP CHUẨN HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY CHUYÊN NGÀNH ĐỊA CHÍNH - HƯỚNG CHUYÊN SÂU CÔNG NGHỆ ĐỊA CHÍNH

HK1 (15TC)	HK2 (16TC)	HK3 (17TC)	HK4 (16TC)	HK5 (16TC)	HK6 (16TC)	HK7 (17TC)	HK8 (17TC)	HK9 (18TC)	HK10 (14TC)
4020101 2(0) Nguyên lý cơ bản của CN Mac-LN1 4010101 3(0) Đại số 4080201 3(0) Tin học đại cương + TH 4010102 4(0) Giải tích 1 4020103 2(0) Pháp luật đại cương 4010701 1(0) (Giáo dục thể chất 1)	4020102 3(0) Nguyên lý cơ bản của CN Mac-LN2 4010201 3(0) Vật lý đại cương A1 - 1N 4010607 3(0) Tiếng Anh PL1 4010103 3(0) Giải tích 2 4010301 3(0) Hóa học đại cương phần 1 + TN 4010702 1(0) Giáo dục thể chất 2	4020201 2(0) Tư tưởng Hồ Chí Minh 4010202 3(0) Vật lý đại cương A2 + TN 4010608 3(0) Tiếng Anh PET2 4050401 4(0) Trắc địa cơ sở 1 + BTL 4050411 2(0) TT trắc địa cơ sở 1 4010703 1(0) Giáo dục thể chất 3	4050605 2(0) Đồ họa vi tính 4050601 2(0) Địa chính đại cương 4050302 2(0) Cơ sở viễn thám 4050701 4(0) Cơ sở BD và vẽ BD + DA 4050404 3(0) Lý thuyết sai số + BTL 4010704 1(0) Giáo dục thể chất 4	4050303 3(0) Cơ sở đo ảnh 4050609 3(0) Đo đạc địa chính 1 + DA 4050617 3(0) TT Đo đạc địa chính 1 4050201 4(0) Trắc địa cao cấp 4010705 1(0) Giáo dục thể chất 5 Môn học tự chọn A (ngành TDDC)	4050101 3(0) Cơ sở trắc địa công trình + BTL 4050606 2(0) XD kế hoạch thi công CT địa chính 4050301 3(0) Cơ sở hệ thống tin địa lý (GIS) 4050602 2(0) Kỹ thuật lập trình trong trắc địa 4050703 2(0) Địa lý kinh tế xã hội Môn học tự chọn B(khoa05)	4050603 3(0) Kỹ thuật thành lập bản đồ số 4050613 2(0) Xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính 4020103 2(0) Luật và QLNN về đất đai 4020301 3(0) Đường lối cách mạng của ĐCSVN 4050615 3(0) Hệ thống thông tin đất đai 1 Môn học tự chọn B(khoa05)	4050608 3(0) CSQH và QLLT + BTL 4050607 3(0) Định giá bất động sản + BTL 4050402 3(0) Trắc địa cơ sở 2 + DA 4050622 2(0) Đo đạc địa chính 2 4050624 2(0) Thực tập Đo đạc địa chính 2 Môn học tự chọn B(khoa05)	4050623 2(0) Hệ thống thông tin đất đai 2 4050813 2(0) Tiếng anh chuyên ngành trắc địa 4050306 4(0) Công nghệ do ảnh + BTL 4050315 2(0) TT do ảnh viễn thám 4050211 2(0) Định vị vệ tinh (GPS) - B 4050215 2(0) TT trắc địa cao cấp B Môn học tự chọn B(khoa05)	4050627 3(0) Thực tập sản xuất 4050628 4(0) Thực tập tốt nghiệp 4050629 7(0) Đồ án tốt nghiệp

Các môn học tự chọn A chọn 6 tín chỉ

- 4010105 2(0) Xác suất thống kê
- 4010106 2(0) Phương pháp tính
- 4010109 2(0) Logic đại cương
- 4010111 2(0) Toán rời rạc

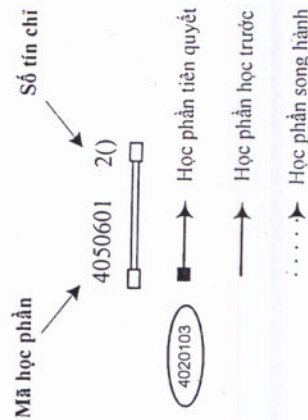
Các môn học tự chọn B chọn 12 tín chỉ

- 4050610 2(0) Địa chính đô thị
- 4050619 2(0) Đăng ký thống kê đất
- 4050604 2(0) Khoa học đất
- 4050620 2(0) Bản đồ chuyên đề trong QLĐD
- 4050102 2(0) Máy trắc địa và đo đạc điện tử
- 4050206 2(0) Trắc địa mặt cầu
- 4050732 2(0) Trắc địa Công Trình Đô thị
- 4050727 2(0) Ứng dụng Tin học trong TKK và TL bản đồ

Các môn học tự chọn C chọn 8 tín chỉ

- 4000002 2(0) Tâm lý học đại cương
- 4000005 2(0) Kỹ năng giao tiếp và làm việc theo nhóm
- 4010236 2(0) Môi trường và con người
- 4040517 3(0) Cơ sở địa chất CT- ĐC Thủy văn
- 4010403 2(0) Autocad
- 4040110 2(0) Địa mạo cảnh quan
- 4040101 3(0) Địa chất đại cương
- 4110114 2(0) Môi trường và phát triển bền vững

Chú thích



KE HOẠCH HỌC TẬP CHUAN HOC CHINH - HUONG CHUYEN SAU QUAN LY DAT DAI

HK1 (15TC)	HK2 (16TC)	HK3 (17TC)	HK4(16TC)	HK5 (16TC)	HK6 (16TC)	HK7 (17TC)	HK8 (17TC)	HK9 (18TC)	HK10 (14TC)
4020101 2() Nguyên lý cơ bản của CN Mac-LN1	4020102 3() Nguyên lý cơ bản của CN Mac-LN2	4020201 2() Tư tưởng Hồ Chí Minh	4050605 2() Đồ họa vi tính	4050303 3() Cơ sở đo ảnh	4050101 3() Cơ sở trắc địa công trình + BTL	4050603 3() Kỹ thuật thành lập bản đồ số	4050608 3() CSQH và QLLT + BTL	4050612 3() Quy hoạch sử dụng đất + ĐA	4050627 3() Thực tập sản xuất
4010101 3() Đại số	4010201 3() Vật lý đại cương A1-TN	4010202 3() Vật lý đại cương A2-TN	4050601 2() Địa chính đại cương	4050609 3() Đo đạc địa chính 1 + ĐA	4050606 2() XD kế hoạch thi công CT địa chính	4050613 2() Xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính	4050614 2() Thị trường bất động sản	4050625 2() Thanh tra đất đai	4050628 4() Thực tập tốt nghiệp
4080201 3() Tin học đại cương+TH	4010607 3() Tiếng Anh PET1	4010608 3() Tiếng Anh PET2	4050302 2() Cơ sở viễn thám	4050617 3() Thực tập Đo đạc địa chính 1	4050301 3() Cơ sở hệ thống tin địa lý (GIS)	4050611 2() Luật và QLNN về đất đai	4050813 2() Tiềm năng chuyển ngành trắc địa	4050616 2() Quản lý bất động sản	4050629 7() Đồ án tốt nghiệp
4010102 4() Giải tích 1	4010103 3() Giải tích 2	4050401 4() Trắc địa cơ sở 1 + BTL	4050701 4() Cơ sở BD và vẽ BD + ĐA	4050201 4() Trắc địa cao cấp đại cương	4050602 2() Kỹ thuật lập trình trong trắc địa	4020301 3() Đường lối cách mạng của ĐCSVN	4050619 2() Đăng ký thông kê	4050607 3() Định giá bất động sản + BTL	
4020103 2() Pháp luật đại cương	4010301 3() Hóa học đại cương phần 1+TN	4050411 2() TT trắc địa cơ sở 1	4050404 3() Lý thuyết sai số + BTL	4010705 1() Giao dịch thể chất 5	4050703 2() Địa lý kinh tế xã hội	4050615 3() Hệ thống thông tin đất đai 1	4050604 2() Khoa học đất	4050626 2() Quản lý tài chính đất đai	
4010701 1() Giáo dục thể chất 1	4010702 1() Giáo dục thể chất 2	4010703 1() Giáo dục thể chất 3	4010704 1() Giáo dục thể chất 4	Môn học tự chọnA (ngành TDDC)	Môn học tự chọn B(khoa05) 2()	Môn học tự chọn B(khoa05) 2()	4050620 2() Bản đồ chuyên đề trong QLDD	4050621 2() Hệ thống hỗ trợ ra QĐ trong QLDD	
		Môn học tự chọnA (ngành TDDC) 2()	Môn học tự chọnA (ngành TDDC) 2()	Môn học tự chọn C (toán trường) 2()	Môn học tự chọn B(khoa05) 2()	Môn học tự chọn C(toán trường) 2()			

Các môn học tự chọn A

chọn 6 tín chỉ

- 4010105 2() Xác suất thống kê
- 4010106 2() Phương pháp tính
- 4010109 2() Logic đại cương
- 4010111 2() Toán rời rạc

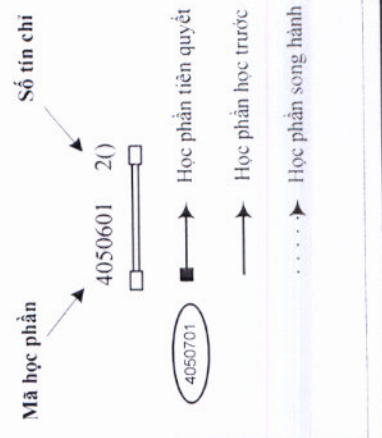
Các môn học tự chọn B chọn 12 tín chỉ

- 4050610 2() Máy trắc địa và đo đạc điện tử
- 4050623 2() Hệ thống thông tin đất đai 2
- 4050622 2() Đo đạc địa chính 2
- 4050624 2() Thực tập đo đạc địa chính 2
- 4050102 2() Quy hoạch và QL MT
- 4050117 2() Trắc địa Công Trình
- 4050727 2() Ứng dụng Tin học trong Thê và TL bản đồ

Các môn học tự chọn C chọn 8 tín chỉ

- 4000002 2() Tâm lý học đại cương
- 4000005 2() Kỹ năng giao tiếp và làm việc theo nhóm
- 4010236 2() Môi trường và con người
- 4040517 3() Cơ sở địa chất CT- ĐC
- 4010403 2() Autocad
- 4040110 2() Địa mạo cảnh quan
- 4040101 3() Địa chất đại cương
- 4110114 2() Môi trường và phát triển bền vững

Chú thích



704

CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Kèm theo Quyết định số 1975/QĐ-MĐC ngày 22 tháng 10 năm 2016
của Hiệu trưởng trường Đại học Mở - Địa chất)

1. Tên chương trình đào tạo**1.1 Tên tiếng việt**

Ngành đào tạo:

Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ

Mã số: 52520503

Chuyên ngành đào tạo:

Địa chính

Mã số: 5252050303

1.2. Tên tiếng Anh:**Cadaastre****2. Trình độ đào tạo:****Đại học**

3. Yêu cầu kiến thức: Hoàn thành chương trình đào tạo chuyên ngành Địa chính được thiết kế theo chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bao gồm:

3.1. Kiến thức giáo dục đại cương

Có hiểu biết về nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt nam và Tư tưởng Hồ Chí Minh; có kiến thức về khoa học cơ bản, đặc biệt là Toán học, làm nền tảng cho những kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành sau này; có sức khỏe và những kiến thức cần thiết đáp ứng yêu cầu học tập, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

3.2 Kiến thức cơ sở ngành:

Cung cấp các kiến thức cơ bản, cơ sở về ngành Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ: Trắc địa cơ sở; Trắc địa công trình; Hệ thống thông tin địa lý; Lý thuyết sai số; Cơ sở bản đồ vẽ Bản đồ; Cơ sở viễn thám; Cơ sở đo ảnh; Trắc địa cao cấp đại cương; Địa chính đại cương.

3.3 Kiến thức chuyên ngành:

Chuyên ngành Địa chính. Có kiến thức cơ bản về đo đạc thành lập bản đồ địa chính; hệ thống pháp luật đất đai; điều tra đánh giá đất đai; các nội dung quản lý Nhà nước về đất đai; đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất; xây dựng hệ thống thông tin đất đai; lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; tài chính đất đai, hệ thống thông tin địa lý (GIS) và công nghệ viễn thám (RS). Có kiến thức chuyên sâu về các công tác đo đạc và thành lập Hồ sơ địa chính.

4. Yêu cầu về kỹ năng

4.1. Kỹ năng cứng: Có khả năng thực hiện tốt các kỹ năng về ngành đào tạo; giải quyết các vấn đề về chính sách quản lý, sử dụng đất, kỹ thuật quản lý đất đai và tài chính đất đai trong khối các cơ quan nhà nước, các đơn vị hành chính sự nghiệp, các tổ chức và doanh nghiệp.

4.2. Kỹ năng mềm: Kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình...

- Chuẩn đầu ra ngoại ngữ và tin học: Phù hợp với yêu cầu của Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT về khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và truyền thông, cụ thể khi sv tốt nghiệp phải đạt trình độ bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ VN và chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản.

Đào tạo kỹ sư chuyên ngành Địa chính có phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khỏe tốt, nắm vững những kiến thức cơ bản, kiến thức chuyên môn toàn diện về lý luận và thực tiễn ngành Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ; năng lực thực hành nghề nghiệp tương xứng với trình độ đại học, có khả năng hoạch định và vận dụng tốt chế độ, chính sách quản lý đất đai trong các cơ quan quản lý nhà nước, các đơn vị hành chính sự nghiệp, các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực đất đai đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Ngoài ra, kỹ sư Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ còn được trang bị kiến thức và kỹ năng về nghề nghiệp, phương pháp làm việc theo nhóm, kỹ năng trình bày và giao tiếp,...

5. Yêu cầu về thái độ

Có phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp và trách nhiệm công dân, có tác phong công nghiệp và thái độ làm việc nghiêm túc, đáp ứng các yêu cầu thực tế của xã hội, đồng thời thường xuyên cập nhật kiến thức, sáng tạo trong công việc.

6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường:

- Đã trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng và có thể theo học sau đại học (thạc sĩ, tiến sĩ).

7. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

- Các cơ quan nghiên cứu, viện nghiên cứu về quản lý đất đai thuộc Tổng cục Quản lý đất đai, Bộ Tài nguyên - Môi trường; Giảng dạy tại các trường Đại học, Cao đẳng...

- Các Sở Tài nguyên - Môi trường cấp tỉnh;
- Các Phòng Tài nguyên - Môi trường cấp huyện và cán bộ địa chính xã, phường;
- Các Văn phòng đăng ký đất đai; Trung tâm phát triển quỹ đất;
- Ban Quản lý dự án các cấp; Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng;
- Các công ty, xí nghiệp đo đạc thành lập bản đồ;
- Các trung tâm công nghệ thuộc Sở Tài nguyên - Môi trường các tỉnh, thành phố;
- Có thể đảm nhận công việc trong các lĩnh vực quản lý tài nguyên, môi trường, xây dựng, quản lý và đánh giá các dự án phát triển đô thị, nông nghiệp, nông thôn; làm việc cho các tổ chức tài chính, bảo hiểm, ngân hàng và các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực quản lý đất đai...

8. Các chương trình tài liệu chuẩn tham khảo

Dựa vào các mô hình chương trình đào tạo theo hệ thống tín chỉ của một số trường như: Đại học Khoa học tự nhiên – Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Tài nguyên môi trường ... để xây dựng chương trình đào tạo theo hệ thống tín chỉ cho chuyên ngành Địa chính. Theo chương trình đào tạo này sinh viên ngoài việc học các phần bắt buộc, còn được tự chọn các học phần thuộc kiến thức đại cương, chọn các học phần tự chọn theo hướng chuyên môn sâu cho phù hợp với điều kiện công tác sau khi ra trường; được chọn những kiến thức thuộc chuyên ngành gần trong khoa để bổ trợ cho kiến thức chính ngành và chọn một số học phần để mở rộng kiến thức chung.

9. Các nội dung khác (nếu có)